

MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị

FWD ĐẦU TƯ ĐÓN ĐẦU

Bảo vệ linh hoạt – Đầu tư tối ưu



Linh hoạt lựa chọn kế hoạch bảo vệ theo nhu cầu

Với phạm vi bảo hiểm mở rộng



Gia tăng tích lũy tài sản hiệu quả

Với các khoản thưởng đều đặn từ Năm hợp đồng thứ 3 và các cột mốc quan trọng



Đón đầu các xu hướng đầu tư đầy triển vọng

Với Quỹ mới Vươn mình, tập trung vào các lĩnh vực trụ cột cho giai đoạn phát triển kinh tế tiếp theo của Việt Nam



Chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư theo khẩu vị rủi ro

Với 07 Quỹ liên kết đơn vị được quản lý bởi 02 Công ty quản lý Quỹ hàng đầu tại Việt Nam

Mục lục

1.	THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
2.	THÔNG TIN SẢN PHẨM
3.	TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH
4.	CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA SẢN PHẨM CHÍNH
5.	MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM CHÍNH
	5.1 Trường hợp Bên mua bảo hiểm đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn đóng phí dự kiến
	▪ Minh họa phân bổ phí bảo hiểm ở mức tỷ suất đầu tư cao ▪ Minh họa phân bổ phí bảo hiểm ở mức tỷ suất đầu tư thấp ▪ Minh họa quyền lợi sản phẩm chính
	5.2 Trường hợp Bên mua bảo hiểm đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn đóng phí bắt buộc
	▪ Minh họa phân bổ phí bảo hiểm ở mức tỷ suất đầu tư cao ▪ Minh họa phân bổ phí bảo hiểm ở mức tỷ suất đầu tư thấp ▪ Minh họa quyền lợi sản phẩm chính
6.	TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BỔ TRỢ
7.	CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN
8.	THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

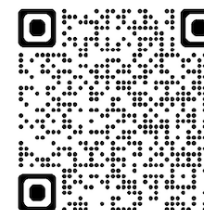
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Thông Tin Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ FWD Việt Nam

Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ FWD Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính. Giấy phép thành lập và hoạt động số 47GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 23/11/2007, giấy phép thay đổi tên công ty số 47/G-PĐC9/KDBH cấp ngày 01/09/2016 và các giấy phép điều chỉnh khác. Vốn điều lệ: 19.102 tỉ đồng (07/2023).

Trong trường hợp cần thêm thông tin về Hợp đồng bảo hiểm, khách hàng có thể liên hệ với FWD Việt Nam để được hỗ trợ tư vấn.

-  Tổng đài FWD Dịch vụ Khách hàng: 1800 969690 (miễn cước cuộc gọi)
-  Thư điện tử Bộ phận dịch vụ khách hàng: customerconnect.vn@fwd.com
-  Văn phòng/Trung tâm dịch vụ khách hàng:
<https://www.fwd.com.vn/vi/support/locator/>
-  Trụ sở: Tòa nhà Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
-  Điện thoại: +84 28 6256 3688



Trang điện tử
của FWD



Công cụ tính
toán để lập
kế hoạch
bảo hiểm



Trang thông tin
Quỹ liên kết
đơn vị

Thông tin Tư vấn tài chính

Họ và tên: Lâm Quang Hưng

Mã số đại lý: 08910003

Chứng chỉ đại lý bảo hiểm: cert08910003

Số điện thoại: 0768847770

Văn phòng: Văn phòng FWD VN

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Thông tin khách hàng

Tên Doanh nghiệp/Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm (BMBH)	ANH LÂM	Nam	01/01/1996	30	Trưởng phòng (không kinh doanh) - Ngành Thương mại và Dịch vụ tài chính
Người được bảo hiểm (NDBH)	ANH LÂM	Nam	01/01/1996	30	Trưởng phòng (không kinh doanh) - Ngành Thương mại và Dịch vụ tài chính

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

2. THÔNG TIN SẢN PHẨM

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm ⁽ⁱ⁾	Thời hạn đóng phí (dự kiến) ⁽ⁱⁱ⁾	Phí bảo hiểm hàng năm
Sản phẩm chính				
ANH LÂM				
Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị FWD Đầu tư đón đầu	1.900.000.000	50 năm	20 năm	38.000.000
Định kỳ đóng phí bảo hiểm dự kiến	Hàng năm			
Phí bảo hiểm	Năm		Nửa năm	Quý
- Phí bảo hiểm cơ bản của Sản phẩm chính	38.000.000		19.000.000	9.500.000
- Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bổ trợ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-		-	-
Tổng phí bảo hiểm định kỳ	38.000.000		19.000.000	9.500.000
Khoản đầu tư thêm dự kiến ^(iv)	-			

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Quỹ liên kết đơn vị (Quỹ) Khách hàng lựa chọn với Sản phẩm chính

Quỹ	Quỹ Vươn mình
Tỷ lệ phân bổ Phí bảo hiểm cơ bản	100%
Tỷ lệ phân bổ Khoản đầu tư thêm	0%

Ghi chú:

- (i) Thời hạn bảo hiểm được tính dựa vào độ tuổi tham gia của Người được bảo hiểm và ngày kết thúc hợp đồng theo quy định của từng sản phẩm. Đối với sản phẩm chính, Thời hạn bảo hiểm thực tế sẽ phụ thuộc vào thời hạn hiệu lực của Hợp đồng và các sự kiện làm ảnh hưởng đến hiệu lực Hợp đồng được quy định chi tiết tại Quy tắc, điều khoản sản phẩm.
- (ii) Thời hạn đóng phí bằng với Thời hạn bảo hiểm. Tuy nhiên, đối với sản phẩm chính, Bên mua bảo hiểm:
- có thể lựa chọn Thời hạn đóng phí dự kiến phù hợp với độ tuổi, nhu cầu và khả năng tài chính của BMBH.
 - cần đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, gọi là Thời hạn đóng phí bắt buộc. Từ Năm hợp đồng thứ 4 trở đi, BMBH có thể đóng phí linh hoạt theo khả năng tài chính của mình nhưng cần đảm bảo Tài khoản hợp đồng còn đủ để duy trì hiệu lực Hợp đồng.
- (iii) Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ cần được đóng đầy đủ khi đến hạn. Các Sản phẩm bổ trợ sẽ mất hiệu lực nếu phí bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ chưa được đóng sau thời gian gia hạn đóng phí. Vui lòng tham khảo quy định chi tiết tại Quy tắc, điều khoản sản phẩm.
- (iv) Đây là Khoản đầu tư thêm minh họa số tiền mà BMBH dự kiến đóng thêm trong Năm hợp đồng đầu tiên. Khoản đầu tư thêm các năm sau, nếu có, được thể hiện trong phần Minh họa quyền lợi của sản phẩm chính.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

3. TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ FWD ĐẦU TƯ ĐÓN ĐẦU

Quyền lợi bảo hiểm	Tóm tắt quyền lợi bảo hiểm	Loại trừ bảo hiểm
Quyền lợi bảo vệ		
Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV)	1. Trường hợp TTTBVV do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa: FWD sẽ chi trả 10% STBH tại thời điểm NĐBH được chứng nhận bị TTTBVV; nhưng không vượt quá 100 triệu đồng.	FWD sẽ không chi trả bất kỳ Quyền lợi bảo vệ nào nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra thuộc các trường hợp sau: (i). NĐBH tự tử hoặc tự gây thương tích cho bản thân dù trong tình trạng tỉnh táo hay không tỉnh táo: ✓ Áp dụng trong vòng 24 tháng kể từ (i) Ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, lấy ngày nào xảy ra sau. ✓ Trong trường hợp BMBH tăng Số tiền bảo hiểm, thời hạn 24 tháng sẽ áp dụng lại cho phần tăng thêm của Số tiền bảo hiểm kể từ (i) Ngày Số tiền bảo hiểm mới có hiệu lực hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, lấy ngày nào xảy ra sau. (ii). Sự kiện bảo hiểm là hậu quả của Hành vi vi phạm pháp luật của NĐBH hoặc BMBH hoặc Người thụ hưởng hoặc bất kỳ người nào sẽ nhận quyền lợi bảo vệ có Hành vi vi phạm pháp luật đối với NĐBH.
	2. Trường hợp TTTBVV không phải do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa: FWD sẽ chi trả: 100% Số tiền bảo hiểm tại thời điểm Người được bảo hiểm được chứng nhận bị TTTBVV; cộng với - Giá trị Tài khoản hợp đồng tại thời điểm Người được bảo hiểm được chứng nhận bị TTTBVV. <u>Điều kiện chi trả:</u> - Hợp đồng đang có hiệu lực tại thời điểm bệnh hoặc tổn thương dẫn đến TTTBVV xảy ra; và - Hợp đồng đang có hiệu lực tại ngày mà bệnh hoặc tổn thương được chứng nhận là thỏa định nghĩa TTTBVV tại Điều 1.22 thuộc Phần 1 - Quy tắc, điều khoản sản phẩm; và - FWD chỉ chi trả quyền lợi TTTBVV nếu TTTBVV không thuộc Tình trạng tồn tại trước và thỏa điều kiện về Thời gian chờ. - Quyền lợi TTTBVV do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa được chi trả 1 lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm. Quyền lợi này không vượt quá 100 triệu đồng cho cùng 1 Người được bảo hiểm trên tất cả các Hợp đồng có hiệu lực với FWD, bao gồm Sản phẩm này và các sản phẩm khác có quyền lợi TTTBVV do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa, được FWD triển khai trong tương lai. Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực và Bên mua	

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

bảo hiểm cần tiếp tục đóng các khoản phí bảo hiểm khi đến hạn để duy trì hiệu lực Hợp đồng.

- Tổng quyền lợi TTTBVV (bao gồm quyền lợi TTTBVV và quyền lợi hỗ trợ thu nhập, nếu có) được chi trả cho 1 NĐBH tại thời điểm bị TTTBVV của tất cả các Hợp đồng của (các) sản phẩm liên kết đầu tư được Bộ tài chính phê duyệt kể từ ngày 28/04/2025 và đang có hiệu lực với FWD sẽ không vượt quá mức giới hạn tối đa được quy định bởi FWD và được thể hiện tại tài liệu này và Chứng nhận bảo hiểm, cụ thể như sau:
 - o NĐBH từ 30 ngày tuổi đến dưới 6 tuổi: 2,5 tỷ đồng;
 - o NĐBH từ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi: 4 tỷ đồng;
 - o NĐBH từ 18 tuổi trở lên: 20 tỷ đồng.

Các quy định về mức giới hạn tối đa này có thể được FWD thay đổi vào từng thời kỳ. Trong trường hợp đó, FWD sẽ thông báo và thỏa thuận bằng văn bản với BMBH để điều chỉnh.

Trong trường hợp NĐBH được bảo hiểm theo nhiều Hợp đồng và tổng quyền lợi TTTBVV của các Hợp đồng này vượt quá mức giới hạn tối đa, FWD sẽ chỉ chi trả quyền lợi TTTBVV đến mức giới hạn tối đa theo quy định nêu trên. Thứ tự chi trả sẽ được xác định theo nguyên tắc ưu tiên chi trả quyền lợi TTTBVV của Hợp đồng nào có Ngày hiệu lực hợp đồng sớm hơn và sau đó tiếp tục xét cho đến khi tổng quyền lợi TTTBVV được chi trả đến mức giới hạn tối đa. Đối với các Hợp đồng có Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng thì việc xét duyệt thứ tự ưu tiên chi trả sẽ không căn cứ theo Ngày hiệu lực hợp đồng mà căn cứ theo Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất của Hợp đồng đó.

- Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực sau khi FWD chấp thuận chi trả quyền lợi TTTBVV không phải do ung thư tuyến giáp thể biệt hóa.

Chi tiết vui lòng tham khảo Điều 1.1.1, Phần 2 - Quy tắc, điều khoản sản phẩm.

Chi tiết vui lòng tham khảo Điều 1.1.3, Phần 2 - Quy tắc, điều khoản sản phẩm.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

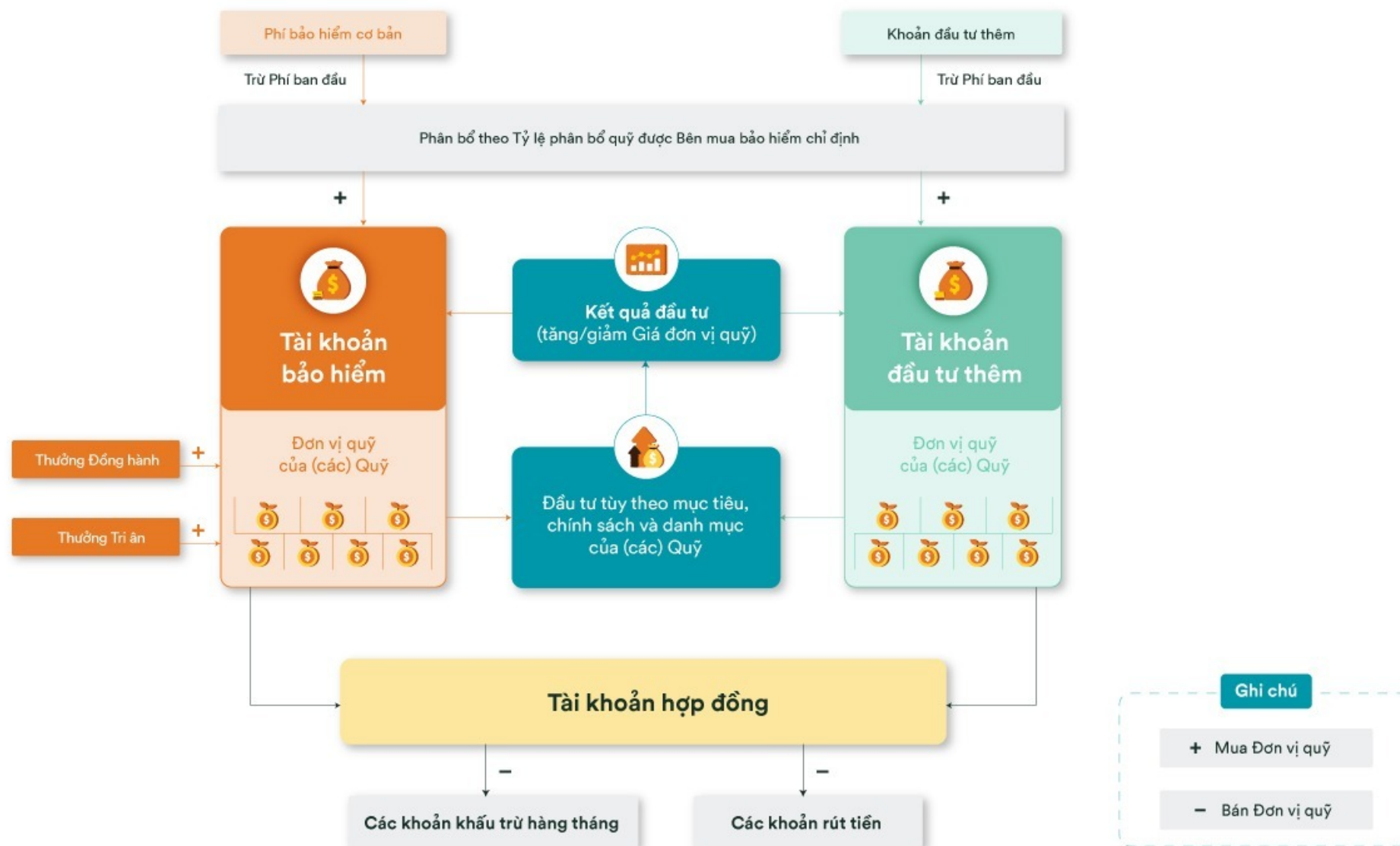
Tử vong	FWD sẽ chi trả: ▪ 100% Số tiền bảo hiểm tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong; cộng với ▪ Giá trị Tài khoản hợp đồng tại thời điểm Người được bảo hiểm tử vong. ▪ Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực khi Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính tử vong. <i>Chi tiết vui lòng tham khảo Điều 1.1.3, Phần 2 - Quy tắc, điều khoản sản phẩm.</i>
Quyền lợi đầu tư	
Quyền lợi đầu tư vào Quỹ liên kết đơn vị (Quỹ)	Bên mua bảo hiểm được quyền lựa chọn đầu tư Phí bảo hiểm cơ bản và Khoản đầu tư thêm vào (các) Quỹ, tùy theo mục tiêu đầu tư và mức độ chấp nhận rủi ro của mình. Bên mua bảo hiểm được hưởng toàn bộ kết quả đầu tư thực tế (sau khi trừ Phí quản lý quỹ) của (các) Quỹ đã lựa chọn và chịu mọi rủi ro đầu tư từ các Quỹ này. Kết quả đầu tư thực tế không được đảm bảo và được thể hiện qua Giá đơn vị quỹ tại mỗi Ngày định giá. Thông tin chi tiết về các Quỹ được trình bày tại Mục 8 Tài liệu này. <i>Chi tiết vui lòng tham khảo tại Điều 1.2.1, Phần 2 - Quy tắc, điều khoản sản phẩm.</i>
Quyền lợi kết thúc Thời hạn bảo hiểm	Nếu Hợp đồng còn hiệu lực và Người được bảo hiểm còn sống tại Ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm, FWD sẽ chi trả toàn bộ giá trị Tài khoản hợp đồng (nếu có) sau khi trừ đi các Khoản nợ (nếu có). <i>Chi tiết vui lòng tham khảo Điều 1.2.2, Phần 2 - Quy tắc, điều khoản sản phẩm.</i>
Quyền lợi cộng thêm	
Thưởng Đồng hành	Thưởng Đồng hành là quyền lợi thưởng định kỳ mỗi 3 năm, bằng 3% (ba phần trăm) giá trị bình quân của Tài khoản bảo hiểm trong 36 tháng của mỗi Giai đoạn xét thưởng. Các khoản thưởng này sẽ được FWD xét thưởng và chi trả vào cuối Năm hợp đồng thứ 3, thứ 6, thứ 9, thứ 12, thứ 15 và thứ 18. Các khoản thưởng này sẽ được tự động phân bổ vào Tài khoản bảo hiểm theo Tỷ lệ phân bổ quỹ của Phí bảo hiểm cơ bản đang áp dụng tại thời điểm trả thưởng. Các điều kiện nhận thưởng sau cần được đáp ứng: ▪ Từ Ngày hiệu lực hợp đồng đến thời điểm xét thưởng, Phí bảo hiểm cơ bản của mỗi Năm hợp đồng cần được đóng

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

	đầy đủ và đúng hạn tại Ngày đến hạn đóng phí, hoặc trong thời gian gia hạn đóng phí 60 ngày kể từ Ngày đến hạn đóng phí; và ▪ Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm trong mỗi giai đoạn xét thưởng. <i>Chi tiết vui lòng tham khảo Điều 1.3.1, Phần 2 - Quy tắc, điều khoản sản phẩm.</i>
Thưởng Tri ân	Thưởng Tri ân là quyền lợi thưởng đặc biệt, bằng 100% (một trăm phần trăm) Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của Năm hợp đồng thứ nhất. Khoản thưởng này sẽ được FWD xét thưởng và chi trả vào cuối Năm hợp đồng thứ 10, thứ 15 và thứ 20. Các khoản thưởng này sẽ được tự động phân bổ vào Tài khoản bảo hiểm theo Tỷ lệ phân bổ quỹ của Phí bảo hiểm cơ bản đang áp dụng tại thời điểm trả thưởng. Các điều kiện nhận thưởng sau cần được đáp ứng: ▪ Từ Ngày hiệu lực hợp đồng đến thời điểm xét thưởng, Phí bảo hiểm cơ bản của mỗi Năm hợp đồng cần được đóng đầy đủ và đúng hạn tại Ngày đến hạn đóng phí, hoặc trong thời gian gia hạn đóng phí 60 ngày kể từ Ngày đến hạn đóng phí; và ▪ Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm từ Ngày hiệu lực hợp đồng đến thời điểm xét thưởng và trả thưởng. <i>Chi tiết vui lòng tham khảo Điều 1.3.2, Phần 2 - Quy tắc, điều khoản sản phẩm.</i>

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

4. CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA SẢN PHẨM CHÍNH



QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

5.1 Trường hợp Bên mua bảo hiểm đóng đủ phí bảo hiểm theo Thời hạn đóng phí dự kiến.

■ Minh họa phân bổ phí bảo hiểm ở mức tỷ suất đầu tư cao (không đảm bảo)

ĐVT: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí được phân bổ			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn
	Phí bảo hiểm cơ bản quy năm	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí đã đóng	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí được phân bổ			
	(1)	(2)	(3) = (1) + (2)	(4)	(5)	(6) = (4)+(5)	(7) = (1)-(4)	(8) = (2)-(5)	(9) = (7)+(8)	(10)	(11)	(12)
1/31	38.000	-	38.000	19.000	-	19.000	19.000	-	19.000	480	2.660	30.400
2/32	38.000	-	38.000	11.400	-	11.400	26.600	-	26.600	540	2.736	30.400
3/33	38.000	-	38.000	7.600	-	7.600	30.400	-	30.400	600	2.842	22.800
4/34	38.000	-	38.000	7.600	-	7.600	30.400	-	30.400	660	2.964	15.200
5/35	38.000	-	38.000	7.600	-	7.600	30.400	-	30.400	720	3.116	7.600
6/36	38.000	-	38.000	760	-	760	37.240	-	37.240	720	3.298	3.800
7/37	38.000	-	38.000	760	-	760	37.240	-	37.240	720	3.526	-
8/38	38.000	-	38.000	760	-	760	37.240	-	37.240	720	3.785	-
9/39	38.000	-	38.000	760	-	760	37.240	-	37.240	720	4.074	-
10/40	38.000	-	38.000	760	-	760	37.240	-	37.240	720	4.408	-
11/41	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	4.788	-
12/42	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	5.198	-
13/43	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	5.639	-
14/44	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	6.126	-
15/45	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	6.642	-
16/46	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	7.190	-
17/47	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	7.782	-
18/48	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	8.406	-
19/49	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	9.074	-
20/50	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	9.819	-
Tổng	760.000	-	760.000	57.000	-	57.000	703.000	-	703.000	13.800	104.073	-

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

■ Minh họa phân bổ phí bảo hiểm ở mức tỷ suất đầu tư thấp (không đảm bảo)

ĐVT: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí được phân bổ			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn
	Phí bảo hiểm cơ bản quy năm	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí đã đóng	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí được phân bổ			
	(1)	(2)	(3) = (1) + (2)	(4)	(5)	(6) = (4)+(5)	(7) = (1)-(4)	(8) = (2)-(5)	(9) = (7)+(8)	(10)	(11)	(12)
1/31	38.000	-	38.000	19.000	-	19.000	19.000	-	19.000	480	2.660	30.400
2/32	38.000	-	38.000	11.400	-	11.400	26.600	-	26.600	540	2.736	30.400
3/33	38.000	-	38.000	7.600	-	7.600	30.400	-	30.400	600	2.842	22.800
4/34	38.000	-	38.000	7.600	-	7.600	30.400	-	30.400	660	2.964	15.200
5/35	38.000	-	38.000	7.600	-	7.600	30.400	-	30.400	720	3.116	7.600
6/36	38.000	-	38.000	760	-	760	37.240	-	37.240	720	3.298	3.800
7/37	38.000	-	38.000	760	-	760	37.240	-	37.240	720	3.526	-
8/38	38.000	-	38.000	760	-	760	37.240	-	37.240	720	3.785	-
9/39	38.000	-	38.000	760	-	760	37.240	-	37.240	720	4.074	-
10/40	38.000	-	38.000	760	-	760	37.240	-	37.240	720	4.408	-
11/41	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	4.788	-
12/42	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	5.198	-
13/43	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	5.639	-
14/44	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	6.126	-
15/45	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	6.642	-
16/46	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	7.190	-
17/47	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	7.782	-
18/48	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	8.406	-
19/49	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	9.074	-
20/50	38.000	-	38.000	-	-	-	38.000	-	38.000	720	9.819	-
Tổng	760.000	-	760.000	57.000	-	57.000	703.000	-	703.000	13.800	104.073	-

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

▪ Minh họa quyền lợi của Sản phẩm chính

ĐVT: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí được phân bố	Số tiền bảo hiểm	Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao (không đảm bảo)						Rút tiền
			Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Tài khoản hợp đồng	Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị hoàn lại	
	(13)=(9)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(15)+(16) +(17)	(19) = (14)+(18)	(20)	(21)
1/31	19.000	1.900.000	17.419	-	-	17.419	1.917.419	-	-
2/32	26.600	1.900.000	44.547	-	-	44.547	1.944.547	14.147	-
3/33	30.400	1.900.000	78.084	-	1.391	79.475	1.979.475	56.675	-
4/34	30.400	1.900.000	115.965	-	-	115.965	2.015.965	100.765	-
5/35	30.400	1.900.000	155.518	-	-	155.518	2.055.518	147.918	-
6/36	37.240	1.900.000	205.894	-	4.642	210.536	2.110.536	206.736	-
7/37	37.240	1.900.000	265.625	-	-	265.625	2.165.625	265.625	-
8/38	37.240	1.900.000	325.401	-	-	325.401	2.225.401	325.401	-
9/39	37.240	1.900.000	390.255	-	9.496	399.751	2.299.751	399.751	-
10/40	37.240	1.900.000	470.946	-	38.000	508.946	2.408.946	508.946	-
11/41	38.000	1.900.000	590.398	-	-	590.398	2.490.398	590.398	-
12/42	38.000	1.900.000	678.751	-	16.806	695.557	2.595.557	695.557	-
13/43	38.000	1.900.000	792.912	-	-	792.912	2.692.912	792.912	-
14/44	38.000	1.900.000	898.519	-	-	898.519	2.798.519	898.519	-
15/45	38.000	1.900.000	1.013.089	-	64.098	1.077.187	2.977.187	1.077.187	-
16/46	38.000	1.900.000	1.207.264	-	-	1.207.264	3.107.264	1.207.264	-
17/47	38.000	1.900.000	1.348.426	-	-	1.348.426	3.248.426	1.348.426	-
18/48	38.000	1.900.000	1.501.640	-	39.128	1.540.768	3.440.768	1.540.768	-
19/49	38.000	1.900.000	1.710.592	-	-	1.710.592	3.610.592	1.710.592	-
20/50	38.000	1.900.000	1.894.919	-	38.000	1.932.919	3.832.919	1.932.919	-

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

▪ Minh họa quyền lợi của Sản phẩm chính (tiếp theo)

ĐVT: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí được phân bố	Số tiền bảo hiểm	Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp (không đảm bảo)						Rút tiền
			Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Tài khoản hợp đồng	Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị hoàn lại	
	(13)=(9)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(15)+(16) +(17)	(19) = (14)+(18)	(20)	(21)
1/31	19.000	1.900.000	16.033	-	-	16.033	1.916.033	-	-
2/32	26.600	1.900.000	39.766	-	-	39.766	1.939.766	9.366	-
3/33	30.400	1.900.000	67.406	-	1.272	68.678	1.968.678	45.878	-
4/34	30.400	1.900.000	96.425	-	-	96.425	1.996.425	81.225	-
5/35	30.400	1.900.000	124.236	-	-	124.236	2.024.236	116.636	-
6/36	37.240	1.900.000	159.051	-	3.832	162.883	2.062.883	159.083	-
7/37	37.240	1.900.000	197.855	-	-	197.855	2.097.855	197.855	-
8/38	37.240	1.900.000	232.917	-	-	232.917	2.132.917	232.917	-
9/39	37.240	1.900.000	268.039	-	7.018	275.057	2.175.057	275.057	-
10/40	37.240	1.900.000	310.265	-	38.000	348.265	2.248.265	348.265	-
11/41	38.000	1.900.000	384.589	-	-	384.589	2.284.589	384.589	-
12/42	38.000	1.900.000	420.865	-	11.182	432.047	2.332.047	432.047	-
13/43	38.000	1.900.000	468.354	-	-	468.354	2.368.354	468.354	-
14/44	38.000	1.900.000	504.535	-	-	504.535	2.404.535	504.535	-
15/45	38.000	1.900.000	540.558	-	53.160	593.718	2.493.718	593.718	-
16/46	38.000	1.900.000	630.082	-	-	630.082	2.530.082	630.082	-
17/47	38.000	1.900.000	666.215	-	-	666.215	2.566.215	666.215	-
18/48	38.000	1.900.000	702.082	-	20.010	722.092	2.622.092	722.092	-
19/49	38.000	1.900.000	757.845	-	-	757.845	2.657.845	757.845	-
20/50	38.000	1.900.000	793.208	-	38.000	831.208	2.731.208	831.208	-

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

▪ Minh họa quyền lợi của Sản phẩm chính (tiếp theo) - Quỹ Vươn mình

ĐVT: nghìn đồng

Năm HD/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm được phân bổ	Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư cao tại 9,00% (không đảm bảo)				Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư thấp tại 1,00% (không đảm bảo)			
		Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị Quỹ	Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị Quỹ
	(22)	(23)	(24)	(25)	(26) = (23)+ (24)+(25)	(27)	(28)	(29)	(30)=(27)+ (28)+(29)
1/31	19.000	17.419	-	-	17.419	16.033	-	-	16.033
2/32	26.600	44.547	-	-	44.547	39.766	-	-	39.766
3/33	30.400	78.084	-	1.391	79.475	67.406	-	1.272	68.678
4/34	30.400	115.965	-	-	115.965	96.425	-	-	96.425
5/35	30.400	155.518	-	-	155.518	124.236	-	-	124.236
6/36	37.240	205.894	-	4.642	210.536	159.051	-	3.832	162.883
7/37	37.240	265.625	-	-	265.625	197.855	-	-	197.855
8/38	37.240	325.401	-	-	325.401	232.917	-	-	232.917
9/39	37.240	390.255	-	9.496	399.751	268.039	-	7.018	275.057
10/40	37.240	470.946	-	38.000	508.946	310.265	-	38.000	348.265
11/41	38.000	590.398	-	-	590.398	384.589	-	-	384.589
12/42	38.000	678.751	-	16.806	695.557	420.865	-	11.182	432.047
13/43	38.000	792.912	-	-	792.912	468.354	-	-	468.354
14/44	38.000	898.519	-	-	898.519	504.535	-	-	504.535
15/45	38.000	1.013.089	-	64.098	1.077.187	540.558	-	53.160	593.718
16/46	38.000	1.207.264	-	-	1.207.264	630.082	-	-	630.082
17/47	38.000	1.348.426	-	-	1.348.426	666.215	-	-	666.215
18/48	38.000	1.501.640	-	39.128	1.540.768	702.082	-	20.010	722.092
19/49	38.000	1.710.592	-	-	1.710.592	757.845	-	-	757.845
20/50	38.000	1.894.919	-	38.000	1.932.919	793.208	-	38.000	831.208

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

5.2 Trường hợp BMBH đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn đóng phí bắt buộc

▪ Minh họa phân bổ phí bảo hiểm ở mức tỷ suất đầu tư cao (không đảm bảo)

ĐVT: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí được phân bổ			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn
	Phí bảo hiểm cơ bản quy năm	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí đã đóng	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí được phân bổ			
	(1)	(2)	(3) = (1) + (2)	(4)	(5)	(6) = (4)+(5)	(7) = (1)-(4)	(8) = (2)-(5)	(9) = (7)+(8)	(10)	(11)	(12)
1/31	38.000	-	38.000	19.000	-	19.000	19.000	-	19.000	480	2.660	30.400
2/32	38.000	-	38.000	11.400	-	11.400	26.600	-	26.600	540	2.736	30.400
3/33	38.000	-	38.000	7.600	-	7.600	30.400	-	30.400	600	2.842	22.800
4/34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	660	2.964	15.200
5/35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.116	7.600
6/36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.298	3.800
7/37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.526	-
8/38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.785	-
9/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.074	-
10/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.408	-
11/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.788	-
12/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.198	-
13/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.639	-
14/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.126	-
15/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.642	-
16/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.190	-
17/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.782	-
18/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	8.406	-
19/49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	9.074	-
20/50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	9.819	-
Tổng	114.000	-	114.000	38.000	-	38.000	76.000	-	76.000	13.800	104.073	-

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

■ Minh họa phân bổ phí bảo hiểm ở mức tỷ suất đầu tư thấp (không đảm bảo)

ĐVT: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi của NDBH	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí được phân bổ			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn
	Phí bảo hiểm cơ bản quy năm	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí đã đóng	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản	Khoản đầu tư thêm	Tổng phí được phân bổ			
	(1)	(2)	(3) = (1) + (2)	(4)	(5)	(6) = (4)+(5)	(7) = (1)-(4)	(8) = (2)-(5)	(9) = (7)+(8)	(10)	(11)	(12)
1/31	38.000	-	38.000	19.000	-	19.000	19.000	-	19.000	480	2.660	30.400
2/32	38.000	-	38.000	11.400	-	11.400	26.600	-	26.600	540	2.736	30.400
3/33	38.000	-	38.000	7.600	-	7.600	30.400	-	30.400	600	2.842	22.800
4/34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	660	2.964	15.200
5/35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.116	7.600
6/36	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.298	3.800
7/37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.526	-
8/38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	3.785	-
9/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.074	-
10/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.408	-
11/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.788	-
12/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.198	-
13/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.639	-
14/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.126	-
15/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.642	-
16/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.190	-
17/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	360	3.891	-
Tổng	114.000	-	114.000	38.000	-	38.000	76.000	-	76.000	11.280	72.883	-

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

▪ Minh họa quyền lợi của Sản phẩm chính

ĐVT: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí được phân bố	Số tiền bảo hiểm	Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư cao (không đảm bảo)						Rút tiền
			Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Tài khoản hợp đồng	Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị hoàn lại	
	(13)=(9)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(15)+(16) +(17)	(19) = (14)+(18)	(20)	(21)
1/31	19.000	1.900.000	17.419	-	-	17.419	1.917.419	-	-
2/32	26.600	1.900.000	44.547	-	-	44.547	1.944.547	14.147	-
3/33	30.400	1.900.000	78.084	-	1.391	79.475	1.979.475	56.675	-
4/34	-	1.900.000	82.829	-	-	82.829	1.982.829	67.629	-
5/35	-	1.900.000	86.264	-	-	86.264	1.986.264	78.664	-
6/36	-	1.900.000	89.816	-	-	89.816	1.989.816	86.016	-
7/37	-	1.900.000	93.448	-	-	93.448	1.993.448	93.448	-
8/38	-	1.900.000	97.137	-	-	97.137	1.997.137	97.137	-
9/39	-	1.900.000	100.855	-	-	100.855	2.000.855	100.855	-
10/40	-	1.900.000	104.558	-	-	104.558	2.004.558	104.558	-
11/41	-	1.900.000	108.195	-	-	108.195	2.008.195	108.195	-
12/42	-	1.900.000	111.729	-	-	111.729	2.011.729	111.729	-
13/43	-	1.900.000	115.120	-	-	115.120	2.015.120	115.120	-
14/44	-	1.900.000	118.305	-	-	118.305	2.018.305	118.305	-
15/45	-	1.900.000	121.236	-	-	121.236	2.021.236	121.236	-
16/46	-	1.900.000	123.858	-	-	123.858	2.023.858	123.858	-
17/47	-	1.900.000	126.093	-	-	126.093	2.026.093	126.093	-
18/48	-	1.900.000	127.877	-	-	127.877	2.027.877	127.877	-
19/49	-	1.900.000	129.120	-	-	129.120	2.029.120	129.120	-
20/50	-	1.900.000	129.695	-	-	129.695	2.029.695	129.695	-

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

▪ Minh họa quyền lợi của Sản phẩm chính (tiếp theo)

ĐVT: nghìn đồng

Năm HĐ/ Tuổi của NĐBH	Tổng phí được phân bố	Số tiền bảo hiểm	Minh họa quyền lợi ở mức tỷ suất đầu tư thấp (không đảm bảo)						Rút tiền
			Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Tài khoản hợp đồng	Quyền lợi tử vong/TTTBVV	Giá trị hoàn lại	
	(13)=(9)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(15)+(16) +(17)	(19) = (14)+(18)	(20)	(21)
1/31	19.000	1.900.000	16.033	-	-	16.033	1.916.033	-	-
2/32	26.600	1.900.000	39.766	-	-	39.766	1.939.766	9.366	-
3/33	30.400	1.900.000	67.406	-	1.272	68.678	1.968.678	45.878	-
4/34	-	1.900.000	65.721	-	-	65.721	1.965.721	50.521	-
5/35	-	1.900.000	62.521	-	-	62.521	1.962.521	54.921	-
6/36	-	1.900.000	59.106	-	-	59.106	1.959.106	55.306	-
7/37	-	1.900.000	55.428	-	-	55.428	1.955.428	55.428	-
8/38	-	1.900.000	51.453	-	-	51.453	1.951.453	51.453	-
9/39	-	1.900.000	47.148	-	-	47.148	1.947.148	47.148	-
10/40	-	1.900.000	42.464	-	-	42.464	1.942.464	42.464	-
11/41	-	1.900.000	37.351	-	-	37.351	1.937.351	37.351	-
12/42	-	1.900.000	31.774	-	-	31.774	1.931.774	31.774	-
13/43	-	1.900.000	25.698	-	-	25.698	1.925.698	25.698	-
14/44	-	1.900.000	19.073	-	-	19.073	1.919.073	19.073	-
15/45	-	1.900.000	11.861	-	-	11.861	1.911.861	11.861	-
16/46	-	1.900.000	4.027	-	-	4.027	1.904.027	4.027	-

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

▪ Minh họa quyền lợi của Sản phẩm chính (tiếp theo) - Quỹ Vươn mình

ĐVT: nghìn đồng

Năm HD/ Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm được phân bổ	Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư cao tại 9,00% (không đảm bảo)				Minh họa ở mức tỷ suất đầu tư thấp tại 1,00% (không đảm bảo)			
		Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị Quỹ	Tài khoản bảo hiểm	Tài khoản đầu tư thêm	Các khoản thưởng	Giá trị Quỹ
	(22)	(23)	(24)	(25)	(26) = (23)+ (24)+(25)	(27)	(28)	(29)	(30)=(27)+ (28)+(29)
1/31	19.000	17.419	-	-	17.419	16.033	-	-	16.033
2/32	26.600	44.547	-	-	44.547	39.766	-	-	39.766
3/33	30.400	78.084	-	1.391	79.475	67.406	-	1.272	68.678
4/34	-	82.829	-	-	82.829	65.721	-	-	65.721
5/35	-	86.264	-	-	86.264	62.521	-	-	62.521
6/36	-	89.816	-	-	89.816	59.106	-	-	59.106
7/37	-	93.448	-	-	93.448	55.428	-	-	55.428
8/38	-	97.137	-	-	97.137	51.453	-	-	51.453
9/39	-	100.855	-	-	100.855	47.148	-	-	47.148
10/40	-	104.558	-	-	104.558	42.464	-	-	42.464
11/41	-	108.195	-	-	108.195	37.351	-	-	37.351
12/42	-	111.729	-	-	111.729	31.774	-	-	31.774
13/43	-	115.120	-	-	115.120	25.698	-	-	25.698
14/44	-	118.305	-	-	118.305	19.073	-	-	19.073
15/45	-	121.236	-	-	121.236	11.861	-	-	11.861
16/46	-	123.858	-	-	123.858	4.027	-	-	4.027
17/47	-	126.093	-	-	126.093	-	-	-	(*)
18/48	-	127.877	-	-	127.877	-	-	-	-
19/49	-	129.120	-	-	129.120	-	-	-	-
20/50	-	129.695	-	-	129.695	-	-	-	-

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Ghi chú :

- Minh họa quyền lợi bảo hiểm là Tài liệu minh họa bán hàng, được lập bởi Tư vấn tài chính dựa trên thông tin do BMBH cung cấp tại thời điểm lập, và là tài liệu được đính kèm trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và Hợp đồng khi có sự Xác nhận của BMBH và Xác nhận của Tư vấn tài chính được nêu ở trang cuối của tài liệu này. BMBH có thể sử dụng công cụ tính toán đơn giản trên trang điện tử của FWD tại địa chỉ <https://www.fwd.com.vn> để chủ động xây dựng và tham khảo thêm các kế hoạch bảo hiểm dự kiến tham gia của BMBH.
- Tại thời điểm lập Minh họa quyền lợi bảo hiểm này, giá trị minh họa tại cột (19) Mục 5 tài liệu này là giá trị minh họa Quyền lợi TTTBVV khác không phải do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa và chưa bao gồm mức giới hạn chi trả tối đa được quy định cụ thể tại phần điều kiện chi trả Mục 3 tài liệu này.
- Chi tiết về Quyền lợi TTTBVV do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa tham chiếu theo Mục 3 tài liệu này.
- Mức tỷ suất đầu tư được trình bày là mức tỷ suất sau khi đã khấu trừ Phí quản lý quỹ, chi tiết theo bảng sau:

Mức tỷ suất đầu tư	Quỹ Vươn mình	Quỹ Năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Chiến lược	Quỹ Cân bằng	Quỹ Ổn định	Quỹ Tích lũy
Thấp (%)	1,0%	1,0%	1,0%	1,0%	1,70%	3,0%	3,0%
Cao (%)	9,0%	9,0%	9,0%	9,0%	7,95%	6,0%	6,0%

Mức tỷ suất đầu tư thực tế từ hoạt động của Quỹ có thể cao hoặc thấp hơn mức tỷ suất đầu tư dự kiến dùng để minh họa và không được đảm bảo.

- Cột (1) và cột (2): Phí bảo hiểm cơ bản quy năm và Khoản đầu tư thêm được minh họa với giả định là BMBH đóng đầy đủ vào đầu mỗi Năm hợp đồng.
- Cột (11): Phí bảo hiểm rủi ro được xác định dựa trên Số tiền bảo hiểm, tuổi, giới tính và các yếu tố làm tăng rủi ro của NDBH tại thời điểm khấu trừ.
Sau khi hoàn tất thẩm định, nếu phát sinh các yếu tố làm tăng rủi ro dẫn đến thay đổi Phí bảo hiểm rủi ro, FWD sẽ thông báo trong Thư chấp thuận bảo hiểm có điều kiện. Minh họa quyền lợi bảo hiểm cũng sẽ cập nhật theo mức Phí bảo hiểm rủi ro điều chỉnh.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

■ Cột (18):

Trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên	Cột (18) được thể hiện bằng dấu “-” trong trường hợp giá trị Tài khoản hợp đồng bằng không (0) hoặc ghi nhận giá trị âm: a. Hợp đồng sẽ vẫn được đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng với điều kiện: (i) BMBH đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản; và (ii) BMBH không rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm. Trong thời gian đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng được áp dụng, những khoản phí khấu trừ hàng tháng này sẽ được FWD ghi nhận là Khoản nợ của Hợp đồng, và sẽ được khấu trừ khi BMBH tiếp tục đóng phí. <i>Chi tiết vui lòng tham khảo Phần 2, Mục 5.1 - Quy tắc, điều khoản sản phẩm.</i> b. Hợp đồng sẽ mất hiệu lực nếu đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng không được áp dụng.
Từ Năm hợp đồng thứ 4 trở đi	Dấu (*) xuất hiện tại cột (18), cột (26), cột (30) thể hiện trường hợp giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để chi trả các khoản phí khấu trừ hàng tháng, bao gồm Phí quản lý hợp đồng tại cột (10) và Phí bảo hiểm rủi ro tại cột (11). BMBH có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng trong vòng 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng mất hiệu lực.

- Cột (15), cột (16) và cột (18): Giá trị minh họa tại các cột này là giá trị cuối Năm hợp đồng, đã bao gồm các giao dịch làm tăng và giảm giá trị tài khoản trong năm theo Cơ chế hoạt động của Sản phẩm chính được nêu tại Mục 5 bên trên.
- Cột (20): Giá trị hoàn lại = (Giá trị Tài khoản bảo hiểm – Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn – Khoản nợ, nếu có) + Giá trị Tài khoản đầu tư thêm.
Nếu Giá trị Tài khoản bảo hiểm $\leq$ (Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn + Khoản nợ, nếu có) thì Giá trị hoàn lại = Giá trị Tài khoản đầu tư thêm, nếu có
- Cột (21): BMBH có thể yêu cầu rút một phần tiền từ Tài khoản hợp đồng. Các khoản rút tiền sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Tài khoản đầu tư thêm đến Tài khoản bảo hiểm. Việc rút tiền từ Tài khoản bảo hiểm có thể:
 - a. Không được áp dụng Quyền lợi đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng như nêu trên; và
 - b. Không được xét và nhận (các) khoản thưởng trong mỗi Giai đoạn xét thưởng tương ứng.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

6. CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

Phí ban đầu là khoản phí được khấu trừ từ phí bảo hiểm trước khi phân bổ vào Tài khoản hợp đồng, bao gồm Phí ban đầu của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí ban đầu của Khoản đầu tư thêm.

Phí ban đầu của Phí bảo hiểm cơ bản được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của Phí bảo hiểm cơ bản tại Năm đóng phí mà Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ. Tỷ lệ phần trăm (%) không vượt quá mức tối đa như bảng sau:

Năm đóng phí	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11+
% Phí bảo hiểm cơ bản	50%	30%	20%	20%	20%	2%	2%	2%	2%	2%	0%

Năm đóng phí được hiểu là Năm hợp đồng mà Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ. Trường hợp Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ trong một Năm hợp đồng, Phí ban đầu của Năm hợp đồng đó sẽ được áp dụng cho khoản Phí bảo hiểm cơ bản còn lại.

Phí ban đầu của Khoản đầu tư thêm được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của Khoản đầu tư thêm tại Năm hợp đồng mà Khoản đầu tư thêm được phân bổ. Tỷ lệ phần trăm (%) không vượt quá mức tối đa như bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11+
% Khoản đầu tư thêm	1,5%	1,5%	1,5%	1,5%	1,5%	1,5%	1,5%	1,5%	1,5%	1,5%	0%

Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí FWD khấu trừ vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng, để chi trả các Quyền lợi bảo vệ của Sản phẩm chính. Một số lượng Đơn vị quỹ của Tài khoản hợp đồng sẽ được tự động bán để khấu trừ khoản phí này.

Phí quản lý hợp đồng là khoản phí được FWD khấu trừ vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng, để chi trả cho việc quản lý, duy trì và cung cấp các dịch vụ liên quan đến Hợp đồng. Một số lượng Đơn vị quỹ của Tài khoản hợp đồng sẽ được tự động bán để khấu trừ khoản phí này. Phí quản lý hợp đồng là 40.000 đồng/tháng và mỗi năm tăng 5.000 đồng/tháng cho tới khi đạt mức tối đa là 60.000 đồng/tháng, cụ thể theo bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	Từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi
Phí quản lý hợp đồng (đồng/tháng)	40.000	45.000	50.000	55.000	60.000

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Phí quản lý quỹ là khoản tiền FWD khấu trừ để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ. Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi công bố Giá đơn vị quỹ vào mỗi Ngày định giá, được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tổng tài sản của Quỹ và khác nhau theo từng loại Quỹ.

Quỹ	Quỹ Vươn mình	Quỹ Năng động	Quỹ Tăng trưởng	Quỹ Chiến lược	Quỹ Cân bằng	Quỹ Ổn định	Quỹ Tích lũy
Phí quản lý quỹ (tối đa)	2,5%/năm	2,5%/năm	2,5%/năm	2,5%/năm	2,0%/năm	1,5%/năm	1,5%/năm

**Phí chuyển đổi
quỹ** Miễn phí

**Phí chấm dứt hợp
đồng trước thời
hạn** là khoản tiền FWD khấu trừ khi Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn và chỉ áp dụng trên Tài khoản bảo hiểm.
Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) Phí bảo hiểm cơ bản quy năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng, và áp dụng tại năm mà Hợp đồng mất hiệu lực hoặc chấm dứt hiệu lực, tùy trường hợp nào xảy ra trước. Tỷ lệ phần trăm (%) không vượt quá mức tối đa như bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	Từ năm hợp đồng thứ 7 trở đi
% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm tại Ngày hiệu lực hợp đồng	80%	80%	60%	40%	20%	10%	0%

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

7. THÔNG TIN VỀ QUỸ

7.1 Danh mục Quỹ

Tên Quỹ	Công ty quản lý Quỹ	Mục tiêu đầu tư	Chính sách đầu tư	Danh mục đầu tư	Rủi ro đầu tư
Quỹ Vươn mình	VCBF	Tăng trưởng vốn và tối đa hóa lợi nhuận từ trung đến dài hạn.	- Đầu tư vào danh mục tài sản bằng Đồng Việt Nam. - Trọng tâm là cổ phiếu của các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng cao trong các lĩnh vực như bán lẻ hiện đại, dịch vụ tài chính và năng lượng xanh.	- Cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc đã đăng ký giao dịch trên UPCoM (80%-100%). - Phần còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ đầu tư khác.	Cao
Quỹ Năng động	SSIAM	Tăng trưởng vốn và tối đa hóa lợi nhuận từ trung đến dài hạn.	- Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. - Trọng tâm là cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng vốn cao.	- Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và thị trường giao dịch chứng khoán tập trung (tối thiểu 80%). - Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Cao
Quỹ Chiến lược	VCBF	Tăng trưởng vốn và tối đa hóa lợi nhuận từ trung đến dài hạn.	- Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. - Trọng tâm là cổ phiếu có tiềm năng thu nhập cổ tức cao.	- Cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc đã đăng ký giao dịch trên UPCoM (80%-100%). - Phần còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ đầu tư khác.	Cao
Quỹ Tăng trưởng	VCBF	Tăng trưởng vốn và tối đa hóa lợi nhuận từ trung đến dài hạn.	- Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. - Trọng tâm là cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng vốn cao.	- Cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc đã đăng ký giao dịch trên UPCoM (80% - 100%). - Phần còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền và các công cụ đầu tư khác.	Cao

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Quỹ Cân bằng	SSIAM	Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn.	▪ Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. ▪ Cân đối giữa cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng vốn cao và các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định.	▪ Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và thị trường giao dịch chứng khoán tập trung (35% - 65%). ▪ Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi (35% - 65%). ▪ Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Trung bình
Quỹ Ổn định	SSIAM	Thu nhập ổn định và bảo toàn vốn.	▪ Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. ▪ Trọng tâm là các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định.	▪ Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi (tối thiểu 80%). ▪ Phần còn lại là tiền và các khoản tương đương tiền.	Thấp
Quỹ Tích lũy	VCBF	Thu nhập ổn định và bảo toàn vốn.	▪ Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam. ▪ Trọng tâm là các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định.	▪ Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, và chứng chỉ tiền gửi (75%-100%). ▪ Phần còn lại là tiền, các khoản tương đương tiền, và các công cụ đầu tư khác.	Thấp

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

7.2. Tỷ suất đầu tư thực tế hàng năm

Tên	Công ty quản lý	2021	2022	2023	2024	2025
Quỹ Năng động	SSIAM	22,65%	-37,11%	-2,29%	10,25%	26,74%
Quỹ Tăng trưởng	VCBF	Quỹ thành lập vào năm 2022	-20,30%	30,06%	26,71%	5,88%
Quỹ Chiến lược	VCBF		-17,64%	30,39%	21,73%	7,21%
Quỹ Cân bằng	SSIAM	14,54%	-17,00%	3,80%	8,11%	15,47%
Quỹ Ổn định	SSIAM	6,58%	6,03%	8,13%	6,97%	7,10%
Quỹ Tích lũy	VCBF	Quỹ thành lập vào năm 2022	-0,24%	9,99%	7,33%	4,97%
Quỹ Vươn mình	VCBF	Quỹ thành lập vào năm 2026				

Chỉ số đầu tư tham khảo

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
VN Index	35,73%	-32,78%	12,20%	12,11%	40,87%
Lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm	2,08%	4,65%	2,20%	2,77%	4,00%
Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 1 năm (Vietcombank)	5,60%	7,40%	4,80%	4,60%	5,20%

Ghi chú: Quỹ Năng động, Quỹ Cân bằng và Quỹ Ổn định của FWD được thành lập từ năm 2021. Kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong quá khứ dùng để tham khảo và không phải là cơ sở đảm bảo cho kết quả hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị trong tương lai. Các tỷ suất đầu tư không tính đến chênh lệch giữa giá mua và giá bán.

- VN Index: Được tính dựa trên giá đóng cửa của chỉ số VN Index tại phiên giao dịch cuối năm so với cuối năm trước đó. Nguồn: Trang điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm: Lãi suất trúng thầu trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm tại cuối năm. Nguồn: Trang điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

- Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 1 năm (Vietcombank): Biểu lãi suất tiết kiệm áp dụng với khách hàng cá nhân tại cuối năm. Nguồn: Trang điện tử của Vietcombank.

7.3. Định giá Đơn vị quỹ

- Đơn vị quỹ là tài sản của mỗi Quỹ được chia thành nhiều phần, có giá trị bằng nhau
- Giá đơn vị quỹ là giá của một Đơn vị quỹ. Giá đơn vị quỹ của các Quỹ khác nhau có thể khác nhau. Giá đơn vị quỹ được FWD công bố tại các Ngày định giá theo định kỳ tối thiểu hàng tuần trên trang thông tin điện tử của FWD.
- FWD công bố Giá Đơn vị quỹ vào thứ 3 và thứ 5 hàng tuần (trừ trường hợp lễ tết). Giá Đơn vị quỹ được công bố tại trang: <https://hethong.fwd.com.vn/dich-vu-truc-tuyen/ivr/thong-tin-lai-suot-va-quy-lien-ket-don-vi/quy-lien-ket-don-vi> và trang FWD dịch vụ trực tuyến <https://e-services.fwd.com.vn>. Ngày định giá có thể thay đổi theo quyết định của FWD tại từng thời điểm nhưng đảm bảo việc FWD sẽ xác định Giá Đơn vị quỹ tối thiểu 1 lần mỗi tuần (trừ trường hợp lễ tết).
- Giá Đơn vị quỹ liên kết đơn vị có thể tăng hoặc giảm. Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị có thể cho kết quả âm và **KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM**.
- Giá trị của Quỹ liên kết đơn vị có thể thấp hơn tổng số Phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm đã đóng để đem đi đầu tư và phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của các Quỹ liên kết đơn vị được lựa chọn.

7.4. Mua bán Đơn vị quỹ và quyền chuyển đổi giữa các quỹ liên kết đơn vị

- Số lượng Đơn vị quỹ sẽ tăng hoặc giảm tùy vào từng giao dịch mua/ bán Đơn vị quỹ được thực hiện trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng.
- Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ giá trị của Tài khoản bảo hiểm và/hoặc Tài khoản đầu tư thêm từ quỹ này sang (các) quỹ khác. Việc chuyển đổi quỹ chỉ được thực hiện trong cùng tài khoản.
- Việc mua và bán các Đơn vị quỹ chuyển đổi được thực hiện theo Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá ngay sau ngày yêu cầu chuyển đổi quỹ được FWD chấp thuận.

7.5. Biện pháp bảo vệ và gia tăng quyền lợi của bên mua bảo hiểm

Công ty có thể áp dụng một hoặc kết hợp các biện pháp sau đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm:

- (a) Thay đổi tên Quỹ liên kết đơn vị;
- (b) Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
- (c) Chia tách hoặc sáp nhập các Đơn vị quỹ liên kết đơn vị hiện có;
- (d) Ngừng định giá Đơn vị quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng trong trường hợp Sở giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang thực hiện giao dịch đầu tư tạm thời bị đình chỉ giao dịch;
- (e) Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Khi thực hiện bất kỳ một trong các biện pháp trên, FWD sẽ thông báo cho Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 3 ngày trước khi áp dụng.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ

Xác nhận của Bên mua bảo hiểm

- Tôi, Bên mua bảo hiểm, xác nhận đã được Tư vấn tài chính có tên và ký xác nhận bên dưới, thực hiện:
 - (i) phân tích nhu cầu và khả năng tài chính của Tôi khi có ý định tham gia bảo hiểm; và
 - (ii) giải thích đầy đủ và rõ ràng về các trường hợp loại trừ bảo hiểm, điều kiện chi trả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm được trình bày trong Minh họa quyền lợi bảo hiểm này; và
 - (iii) tư vấn đầy đủ về Quy tắc điều khoản và quyền lợi của Sản phẩm chính và (các) Sản phẩm bổ trợ đính kèm minh họa trong tài liệu này.
- Tôi xác nhận tôi tham gia bảo hiểm hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, xúi giục.
- Tôi xác nhận đã đọc, hiểu và được tư vấn đầy đủ về các quyền lợi bảo hiểm, quyền lợi đầu tư, các rủi ro đầu tư có thể phát sinh khi tham gia sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, cũng như các khoản phí được minh họa trong tài liệu này. Tôi hiểu rằng mọi quyền lợi và điều kiện bảo hiểm của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ (nếu có) sẽ được áp dụng theo đúng điều khoản của Hợp đồng, và phụ thuộc vào việc đóng phí đầy đủ cũng như việc kê khai trung thực, chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm
- Bằng việc ký tên hoặc xác nhận OTP dưới đây, tôi đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm trong Minh họa quyền lợi bảo hiểm và tôi xác nhận đã đọc và hiểu rõ về (các) Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ trợ được đề cập trong tài liệu này và nhận thức rõ được các quyền lợi bảo hiểm, các quy định và trường hợp loại trừ bảo hiểm, điều kiện chi trả quyền lợi bảo hiểm của (các) sản phẩm, quyền lợi đầu tư, rủi ro đầu tư, các khoản phí phải đóng. Tôi hiểu việc giao kết Hợp đồng là một cam kết dài hạn, việc hủy bỏ Hợp đồng có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.

Xác nhận của Tư vấn tài chính

- Tôi, Tư vấn tài chính, bằng việc ký tên hoặc xác nhận OTP dưới đây, xác nhận rằng chính tôi đã trực tiếp giải thích, phân tích nhu cầu, khả năng tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của BMBH. Tôi đã giải thích đầy đủ, trung thực cho BMBH về chi tiết của Minh họa quyền lợi bảo hiểm bảo hiểm này cũng như nội dung của Quy tắc, điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm nêu trên.

Chữ ký/Xác nhận của Bên mua bảo hiểm

Chữ ký/Xác nhận của Tư vấn tài chính

Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này được tạo dựa trên thông tin do Quý khách cung cấp và chỉ có giá trị tham khảo cho đến khi thông tin trong bảng minh họa này được Quý khách xác nhận

Họ và tên: ANH LÂM

Họ và tên: Lâm Quang Hưng

Minh họa quyền lợi bảo hiểm này có giá trị khi có chữ ký/xác nhận của Bên mua bảo hiểm, Tư vấn tài chính và bao gồm đầy đủ các trang. Nếu Bên mua bảo hiểm muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, vui lòng liên hệ với Tư vấn tài chính hoặc FWD.

QUÝ KHÁCH SẼ ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ